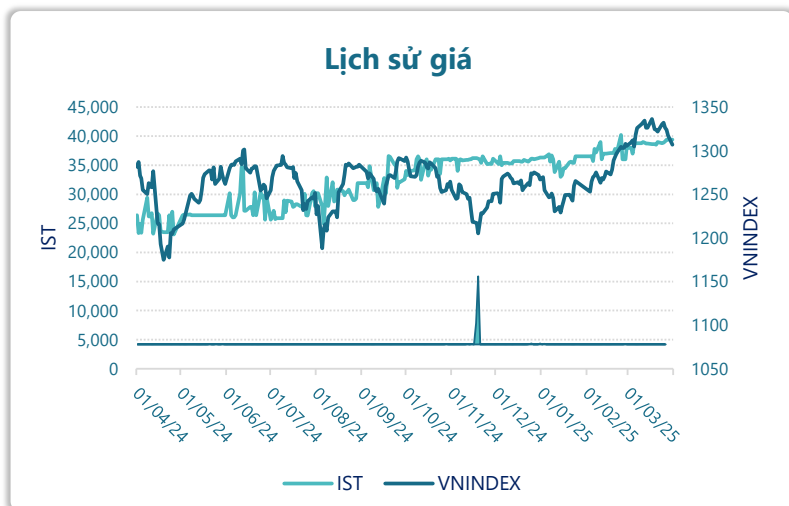


CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần (UPCOM: IST)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	39,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,082
SL cổ phiếu LH	15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	550
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	591
P/E	8.8
EPS	4,461

DT thuần

Q1/25

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -4.8%

YoY: ▲18.0 | 18.0%

LN sau thuế

Q1/25

16.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲3.40 | 25.5%

YoY: ▲1.40 | 9.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.6%

+/- YoY: ▲1.1%

DT thuần

2024

455

tỷ VNĐ

YoY: ▲38.0 | 9.2%

LN sau thuế

2024

65.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲10.6 | 19.3%

ROE

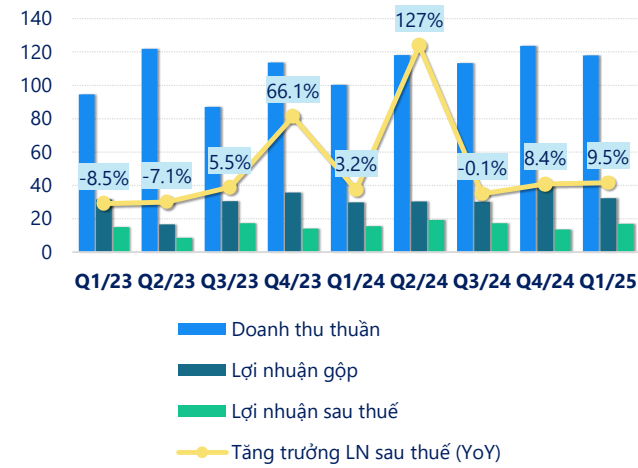
2024

29.1%

+/- YoY: ▲2.5%

tỷ VNĐ

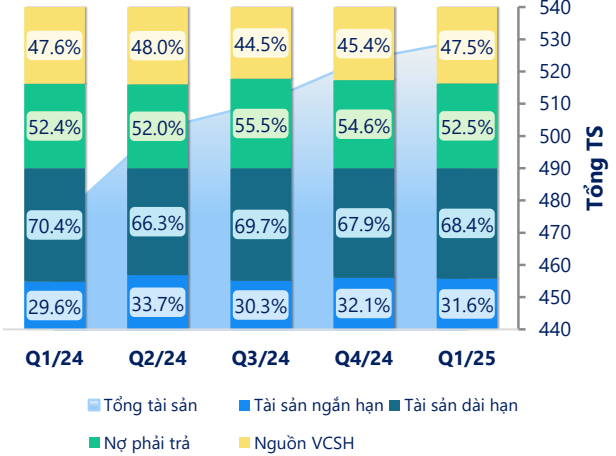
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

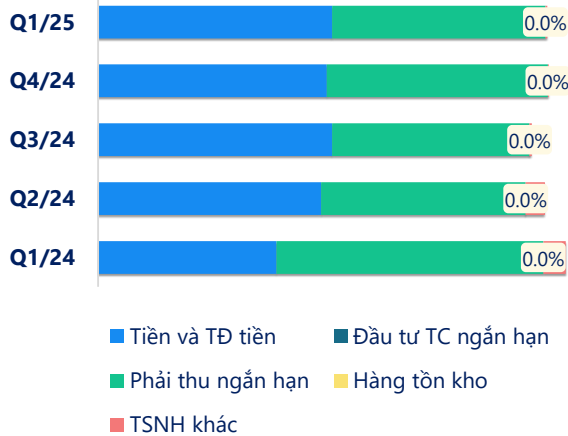
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



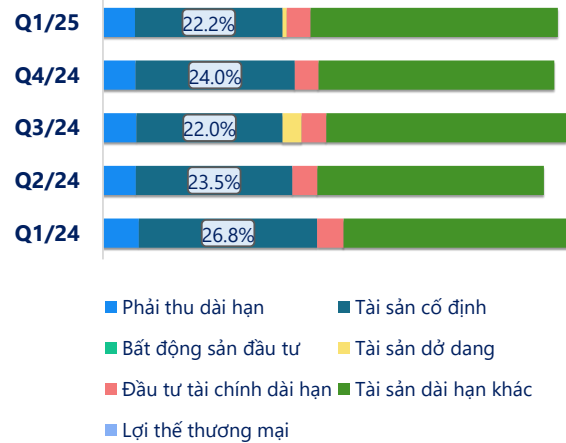
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

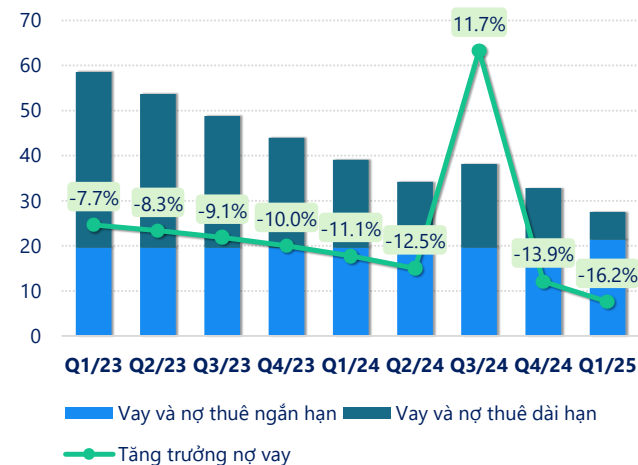
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

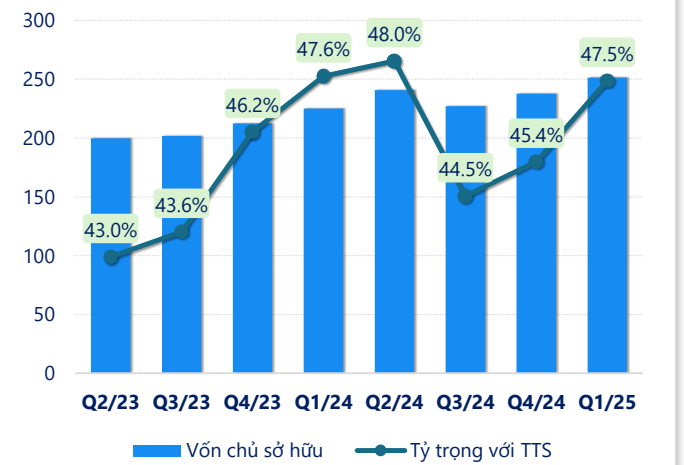
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

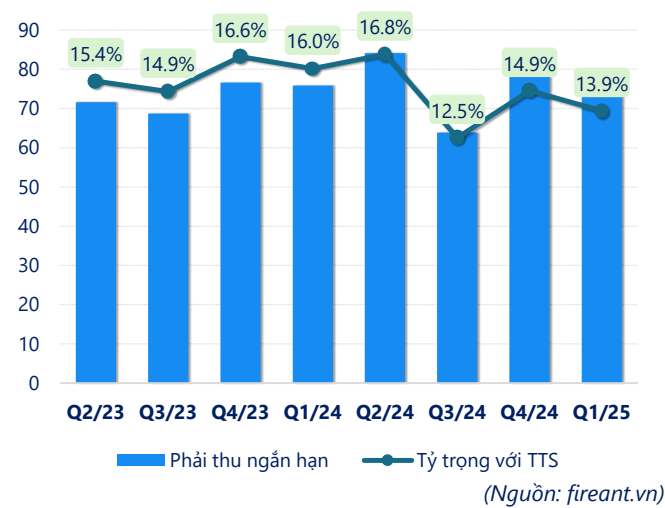
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

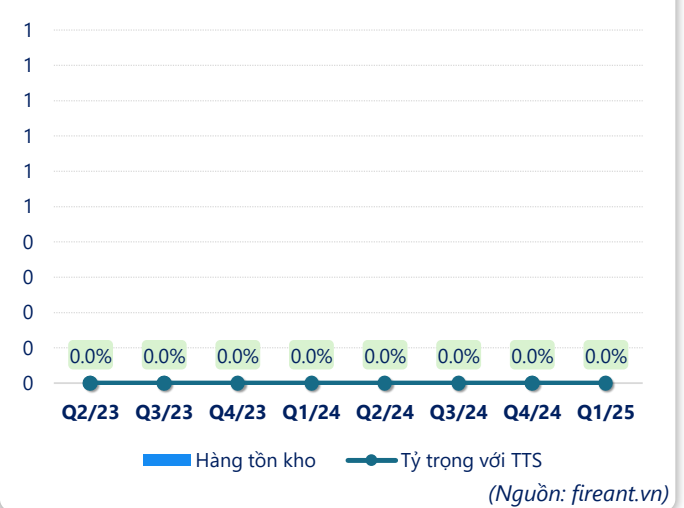


(Nguồn: fireant.vn)

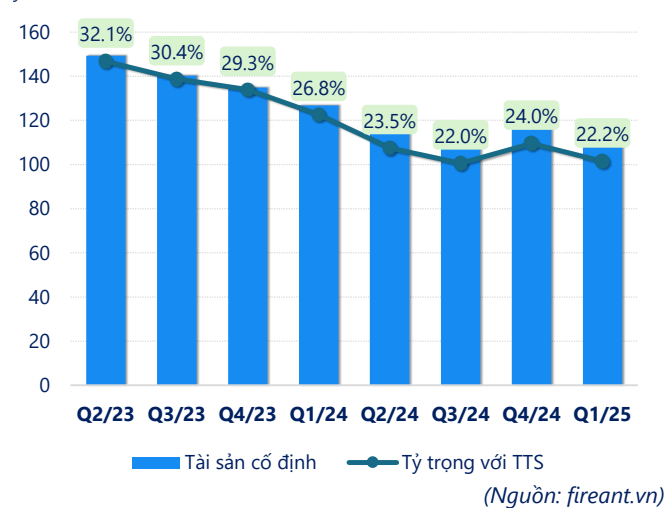
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


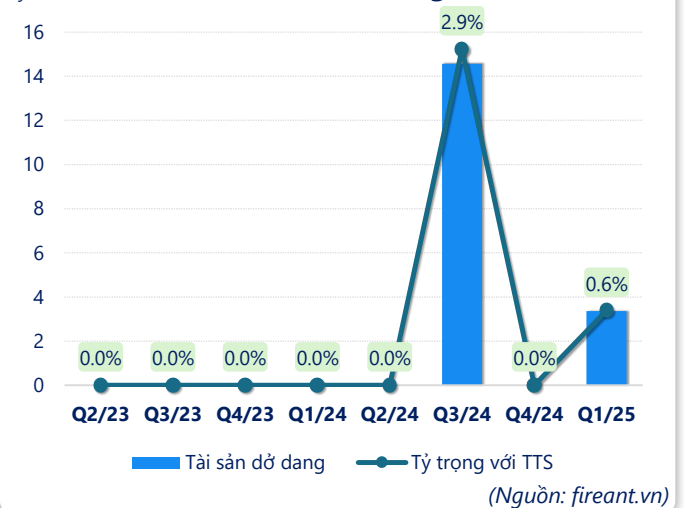
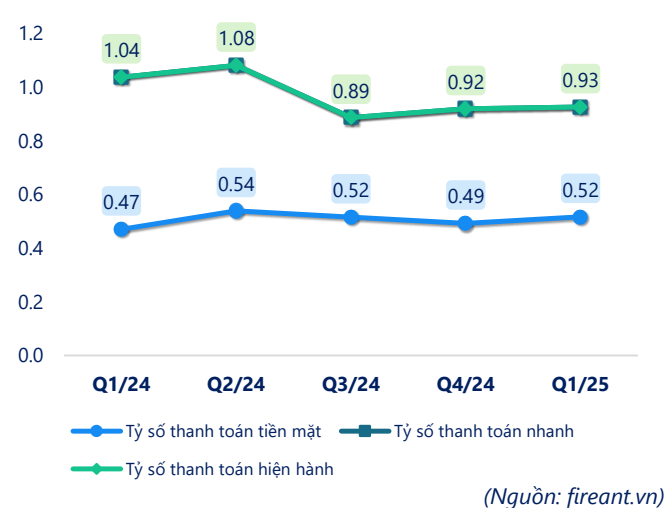
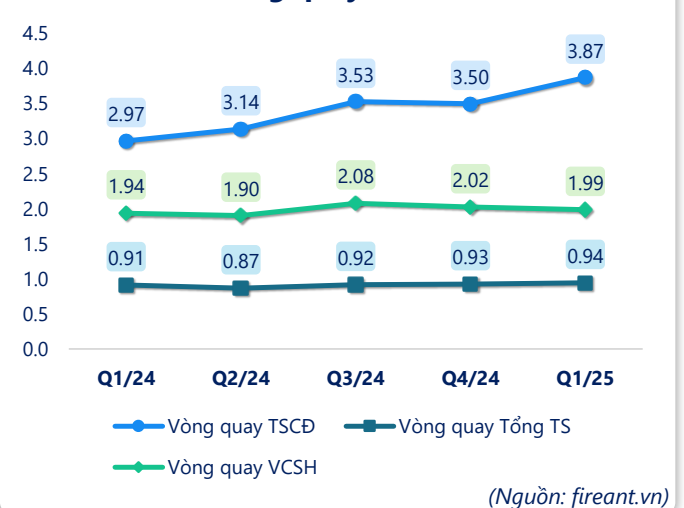
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	473	502	510	524	530
Tài sản ngắn hạn	140	169	154	168	167
Tiền và tương đương tiền	63.5	84.2	89.8	90.1	93.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	75.8	84.1	63.8	78.1	73.5
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	0.56	0.82	0	0.26
Tài sản dài hạn	333	333	356	356	363
Phải thu dài hạn	25.6	25.0	25.7	25.6	25.6
Tài sản cố định	127	118	112	126	118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	14.6	0	3.36
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	18.8	18.8	18.8
Tài sản dài hạn khác	162	171	184	186	197
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	248	261	283	286	278
Nợ ngắn hạn	135	156	174	183	180
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	19.5	21.3	21.3
Phải trả người bán ngắn hạn	34.3	32.2	33.4	57.0	51.0
Nợ dài hạn	113	105	109	103	97.8
Vay và nợ thuê dài hạn	19.5	14.7	18.6	11.6	6.23
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	241	227	238	251
Vốn chủ sở hữu	225	241	227	238	251
Vốn điều lệ	120	120	120	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)